

BỘ Y TẾ

Số: 5608 /QĐ-BYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp chuyên khoa sau đại học đặc thù ngành y tế
năm 2015 của Trường Đại học Y Dược Huế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ	
ĐẾN	Số: 01
	Ngày: 04.01.2016
	Chuyên: Căn

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP, ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 4/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế tại công văn số 3059/ĐHYD-SĐH, ngày 11 tháng 12 năm 2015 về việc công nhận tốt nghiệp chuyên khoa sau đại học, năm 2015;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp chuyên khoa sau đại học đặc thù ngành y tế, năm 2015 của Trường Đại học Y Dược Huế gồm: chuyên khoa cấp I (đợt 2) có 05 (năm) học viên thuộc 03 chuyên ngành; chuyên khoa cấp II có 131 (một trăm ba mươi một) học viên thuộc 14 chuyên ngành và bác sĩ nội trú có 76 (bảy mươi sáu) học viên thuộc 7 chuyên ngành, có danh sách kèm theo, kể từ ngày ký quyết định.

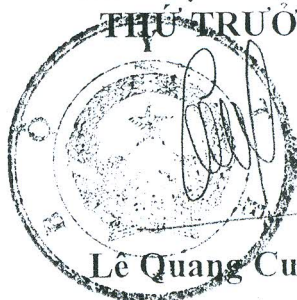
Điều 2. Các ông/bà Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng để báo cáo;
- Lưu: VT, K2ĐT (2).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Lê Quang Cường

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP II
KHÓA HỌC 2013-2015 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

TT	TT CN	Họ và tên	Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		1. Nội tiêu hóa (02)			
1	1	Huỳnh Văn Hạnh	10.10.1969	Quảng Ngãi	
2	2	Trần Quốc Xuân	10.6.1965	Thừa Thiên Huế	
		2. Nội Tim mạch (01)			
3	1	Trần Thị Mỹ Liên	30.12.1968	Quảng Ngãi	
		3. Nội Thần kinh (01)			
4	1	Nguyễn Hoàng Hải	17.05.1968	Quảng Ngãi	
		4. Nội khoa (50)			
5	1	Lê Cừ	10.10.1965	Nghệ An	
6	2	Lê Khắc Đóa	21.10.1969	Quảng Bình	
7	3	Trần Viết Dũng	20.11.1978	Quảng Bình	
8	4	Lê Thị Dương	01.06.1979	Quảng Bình	
9	5	Trương Minh Hải	03.09.1979	Quảng Bình	
10	6	Ngô Thị Minh Hiền	01.04.1979	Quảng Bình	
11	7	Trần Tiến Hùng	03.03.1964	Quảng Bình	
12	8	Nguyễn Duy Thạch	12.10.1977	Quảng Bình	
13	9	Thái Thị Hoài	12.10.1975	Nghệ An	
14	10	Nguyễn Đình Cường	08.07.1973	Đà Nẵng	
15	11	Lê Thị Giới	14.10.1974	Quảng Ngãi	
16	12	Phạm Thị Thu Hà	18.02.1972	Hà Nội	
17	13	Lê Thị Mỹ Hằng	28.04.1968	Quảng Nam	
18	14	Cao Chí Hiều	01.05.1970	Nghệ An	
19	15	Phan Thị Mỹ Hoa	17.04.1973	Đà Nẵng	
20	16	Nguyễn Ngọc Văn Khoa	21.10.1968	Quảng Nam	
21	17	Nguyễn Ngọc Võ Khoa	07.01.1970	Quảng Nam	
22	18	Nguyễn Phan Đức Sanh	20.04.1968	Bình Định	
23	19	Phan Đình Tùng	01.10.1969	Quảng Nam	
24	20	Nguyễn Văn Chánh	01.01.1970	Bình Định	

r R

TT	TT CN	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
25	21	Trần Đăng	Chương	24.12.1972	Bình Định	
26	22	Trần Nguyên	Dân	19.08.1970	Vĩnh Phúc	
27	23	Trần Thị Kiều	Diễm	14.01.1967	Bình Định	
28	24	Phan Công	Hiền	10.10.1971	Bình Định	
29	25	Nguyễn Đình	Hoài	03.03.1965	Bình Định	
30	26	Trần Thúc	Khả	30.12.1968	Bình Định	
31	27	Hoàng	Mạnh	01.07.1963	Thừa Thiên Huế	
32	28	Nguyễn Phan Anh	Ngọc	19.03.1970	Bình Định	
33	29	Trần Hữu	Tài	16.07.1969	Bình Định	
34	30	Nguyễn Văn	Tâm	15.11.1967	Bình Định	
35	31	Nguyễn Thanh	Tâm	08.10.1966	Bình Định	
36	32	Đặng Văn	Tiến	20.04.1969	Bình Định	
37	33	Trình Vĩnh	Tiến	07.07.1977	Bình Định	
38	34	Võ Hữu	Thọ	01.01.1972	Bình Định	
39	35	Hồ Văn	Trung	01.01.1970	Bình Định	
40	36	Nguyễn Hoàng	Vũ	10.01.1974	Bình Định	
41	37	Nguyễn Tiến	Dũng	15.01.1962	TP Hồ Chí Minh	
42	38	Huỳnh Thị Như	Hằng	28.10.1963	Đồng Tháp	
43	39	Trần Thị Thành	Huế	03.08.1971	Thái Nguyên	
44	40	Tô Quốc	Hùng	11.03.1967	TP Hồ Chí Minh	
45	41	Nguyễn Thị Kim	Hương	30.08.1969	Hà Nội	
46	42	Huỳnh Ngọc	Phúc	03.11.1973	Long An	
47	43	Trương Thị Ái	Phương	21.11.1974	TP Hồ Chí Minh	
48	44	Phạm Chí	Toàn	10.11.1969	TP Hồ Chí Minh	
49	45	Mã Nguyễn Minh	Tùng	09.09.1978	Sóc Trăng	
50	46	Lý Thụy Đoan	Trinh	10.11.1973	Sóc Trăng	
51	47	Nguyễn Văn	Vinh	18.03.1967	Gia Lai	
52	48	Phạm Văn	An	24.11.1966	Bình Định	
53	49	Phạm Công	Chánh	26.06.1963	TP Hồ Chí Minh	
54	50	Sơn Huyền	Vũ	16.03.1971	Trà Vinh	
		5. Ngoại khoa (07)				
55	1	Lê Nghiêm	Bảo	21.01.1965	Đà Nẵng	
56	2	Trần Văn	Trọng	09.01.1975	Đà Nẵng	
57	3	Nguyễn Tiến	Văn	15.10.1974	Quảng Nam	

TT	TT CN	Họ và tên	Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
58	4	Đỗ Văn Thành	10.03.1969	Đà Nẵng	
59	5	Nguyễn Văn Dũng	26.06.1973	Đà Nẵng	
60	6	Nguyễn Đức Hùng Sơn	25.04.1967	Quảng Nam	
61	7	Trần Tấn Trung	10.08.1968	Quảng Nam	
		6. Sản phụ khoa (01)			
62	1	Tôn Thất Bạch Đằng	06.04.1957	Thừa Thiên Huế	
		7. Phụ khoa (01)			
63	1	Trương Thị Chánh	24.08.1964	Quảng Nam	
		8. Nhi tim mạch (01)			
64	1	Thành Minh Hùng	31.07.1965	Phú Thọ	
		9. Nhân khoa (05)			
65	1	Nguyễn Thị Như Hiền	30.12.1967	Đà Nẵng	
66	2	Hoàng Trung Kiên	04.08.1978	Nghệ An	
67	3	Nguyễn Nam Trung	10.08.1976	Hà Tĩnh	
68	4	Nguyễn Bá Thùy Vân	09.12.1971	Đà Nẵng	
69	5	Dương Ngọc Vinh	25.05.1968	Quảng Nam	
		10. Răng hàm mặt (10)			
70	1	Nguyễn Hữu Hải	15.11.1969	Bắc Giang	
71	2	Cung Văn Vinh	08.02.1964	Thừa Thiên Huế	
72	1	Nguyễn Tuấn Hiền	15.10.1964	TP Hồ Chí Minh	
73	2	Nguyễn Đức Minh	22.11.1966	Bình Dương	
74	3	Hồ Hoài Nam	16.05.1959	Hà Nội	
75	4	Bùi Cao Phong	04.02.1966	Gia Lai	
76	5	Lê Trọng Thảo	05.01.1965	Bình Dương	
77	6	Văn Trí Thiện	10.08.1967	Tiền Giang	
78	7	Trần Xuân Thông	12.11.1967	Thừa Thiên Huế	
79	8	Nguyễn Văn Trọng	07.01.1967	TP Hồ Chí Minh	
		11. Huyết học (03)			
80	1	Phạm Thị Ngọc Phượng	24.03.1972	Quảng Trị	
81	2	Trần Thị Phương Túy	07.11.1966	Thừa Thiên Huế	
82	1	Phạm Thế Vĩnh	01.01.1972	Quảng Nam	

n

ce

TT	TT CN	Họ và tên	Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		12. Tâm thần (05)			
83	1	Nguyễn Văn Đạo	03.07.1956	TP Hồ Chí Minh	
84	2	Nguyễn Trung Hoàng	15.06.1973	TP Hồ Chí Minh	
85	3	Lê Đỗ Hưng	07.01.1973	TP Hồ Chí Minh	
86	4	Lâm Hiếu Minh	12.01.1979	TP Hồ Chí Minh	
87	5	Nguyễn Vĩnh Thanh	30.10.1960	TP Hồ Chí Minh	
		13. Y học cổ truyền (01)			
88	1	Vũ Thị Hương Giang	07.08.1973	Thái Bình	
		14. Quản lý y tế (43)			
89	1	Đặng Nguyễn Trung An	16.08.1980	Long An	
90	2	Nguyễn Văn Chúc	17.10.1969	TP Hồ Chí Minh	
91	3	Phạm Tấn Hoàng	12.02.1968	Nam Định	
92	4	Nguyễn Thị Phương Lan	11.04.1968	Ninh Bình	
93	5	Hồ Đăng Ngọc	08.10.1960	Quảng Nam	
94	6	Trần Thị Như Phương	25.05.1965	Bến Tre	
95	7	Nguyễn Trung Thành	10.12.1966	Thanh Hóa	
96	8	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29.02.1967	Quảng Nam	
97	9	Phạm văn Chuyên	05.06.1962	Nam Định	
98	10	Khuong Minh Đạo	25.02.1969	Quảng Nam	
99	11	Nguyễn Văn Hai	01.11.1962	Quảng Nam	
100	12	Chế Thị Việt Hoa	17.03.1969	Thanh Hóa	
101	13	Nguyễn Văn Hường	03.01.1962	Quảng Nam	
102	14	Đinh Hữu Long	31.12.1964	Quảng Nam	
103	15	Phan Đình Mỹ	12.05.1963	Quảng Nam	
104	16	Nguyễn Thị Nha	28.03.1970	Khánh Hòa	
105	17	Phan Đình Nhân	06.06.1970	Quảng Nam	
106	18	Huỳnh Phước Nhất	20.10.1964	Đà Nẵng	
107	19	Trần Ngọc Pháp	01.01.1960	Quảng Nam	
108	20	Trình Trung Phong	01.10.1965	Đà Nẵng	
109	21	Nguyễn Thanh Phước	02.09.1967	Quảng Nam	
110	22	Đoàn Mạnh Thắng	05.11.1967	Lào Cai	
111	23	Võ Quang Thiều	09.01.1963	Quảng Nam	
112	24	Nguyễn Đình Thoại	22.02.1965	Quảng Nam	

TT	TT CN	Họ và tên	Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
113	25	Huỳnh Thuận	26.10.1969	Quảng Nam	
114	26	Trần Dương Thuận	12.12.1961	TT Huế	
115	27	Hồ Hữu Tuấn	25.05.1967	Quảng Nam	
116	28	Thái Ngọc Huỳnh Vân	21.10.1967	Quảng Nam	
117	29	Trần Xiêm	26.01.1968	Quảng Nam	
118	30	Ngô Thị Kim Yến	19.09.1969	Đà Nẵng	
119	31	Vũ Minh Đức	29.03.1971	Đồng Nai	
120	32	Phù Văn Hưng	13.09.1968	Thừa Thiên Huế	
121	33	Tổng Quốc Đăng Khoa	27.06.1970	Tây Ninh	
122	34	Phan Liên Khương	12.10.1966	Quảng Ngãi	
123	35	Trần Văn Mạnh	26.10.1965	Bình Thuận	
124	36	Y Nhân Mlô	25.10.1970	Đắk Lắk	
125	37	Nguyễn Đỗ Ngọc	30.01.1981	Hà Nội	
126	38	Cao Hùng Phú	01.12.1977	Quảng Nam	
127	39	Dương Thanh	03.03.1976	Tiền Giang	
128	40	Trương Quang Toàn	20.04.1978	Đắk Lắk	
129	41	Mạnh Đình Triều	07.05.1960	Phú Yên	
130	42	Trần Kỳ Hậu	10.02.1968	Bình Định	
131	43	Nguyễn Trường Minh	04.10.1966	Thừa Thiên Huế	

Ấn định danh sách công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp II, khóa 2013-2015
 của Trường Đại học Y Dược Huế có 131 (một trăm ba một) học viên thuộc 14 chuyên ngành ./

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP BÁC SĨ NỘI TRÚ
NĂM 2015 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

(Kèm theo Quyết định số: 5608 /QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TT CN	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		1. Chuyên ngành Nội khoa (21)				
1	1	Mai Xuân	Anh	28.07.1988	Thừa Thiên Huế	
2	2	Lương Thị Thu	Chung	25.05.1988	Quảng Ngãi	
3	3	Nguyễn Thị	Duyên	14.06.1988	Nam Định	
4	4	Hoàng Thị	Hạnh	16.11.1988	Hà Tĩnh	
5	5	Trần Thị	Hiền	28.04.1988	Quảng Bình	
6	6	Lê Viết	Hòa	06.09.1988	Thừa Thiên Huế	
7	7	Trần Quốc	Khánh	12.09.1987	Quảng Bình	
8	8	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08.03.1988	Nghệ An	
9	9	Nguyễn Thị Thanh	Loan	28.05.1988	Quảng Bình	
10	10	Phan Thị Bé	Ni	14.07.1986	Quảng Trị	
11	11	Nguyễn Duy	Thành	26.04.1988	Đà Nẵng	
12	12	Bùi Thị Diệp	Thảo	11.11.1988	Quảng Nam	
13	13	Lê Trung	Thế	20.09.1988	Đà Nẵng	
14	14	Lê Phước	Thọ	15.08.1988	Thừa Thiên Huế	
15	15	Phan Thị Mỹ	Thu	14.10.1988	Khánh Hòa	
16	16	Nguyễn Thị Huyền	Thương	18.12.1988	Hà Tĩnh	
17	17	Lương Thị Mỹ	Trang	02.02.1987	Quảng Nam	
18	18	Chung Lê Khánh	Trang	16.07.1988	Đà Nẵng	
19	19	Võ Xuân	Trí	07.12.1987	Quảng Bình	
20	20	Trần Văn	Trọng	02.10.1986	Hà Nam	
21	21	Nguyễn Thị	Xuân	24.08.1988	Hà Tĩnh	
		2. Chuyên ngành Ngoại khoa (14)				
22	1	Đoàn Phước	Hiệp	15.09.1988	Kon Tum	
23	2	Đặng Nguyên	Hoàng	18.09.1988	Thừa Thiên Huế	
24	3	Hoàng Minh	Hùng	06.08.1988	Thừa Thiên Huế	
25	4	Nguyễn Đức	Hùng	22.03.1988	Gia Lai	
26	5	Nguyễn Đắc	Khoa	19.03.1988	Đà Nẵng	
27	6	Nguyễn Ánh	Ngọc	01.07.1987	Quảng Bình	
28	7	Trương Quang	Nhân	01.01.1988	Thừa Thiên Huế	

TT	TT CN	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
29	8	Đoàn Duy	Thạch	22.12.1988	Thừa Thiên Huế	
30	9	Lê Đăng	Thái	10.01.1988	Nghệ An	
31	10	Đỗ Đạt	Thành	23.05.1987	Quảng Bình	
32	11	Bùi Thanh	Tuấn	10.03.1988	Nghệ An	
33	12	Cao Thanh	Tùng	20.10.1988	Quảng Ngãi	
34	13	Lê Anh	Vũ	27.11.1988	TP Hồ Chí Minh	
35	14	Ngô Đức	Tám	06.05.1985	Thừa Thiên Huế	Khóa 2011-2014
		3. Chuyên ngành Sản Phụ khoa (05)				
36	1	Đặng Khánh	Ly	18.12.1988	Bình Định	
37	2	Lý Thị Thanh	Nhã	28.08.1988	Quảng Bình	
38	3	Hồ Thị	Phượng	02.08.1987	Nghệ An	
39	4	Nguyễn Hữu	Quyền	10.10.1988	Gia Lai	
40	5	Cao Xuân	Thành	12.10.1987	Quảng Bình	Khóa 2011-2014
		4. Chuyên ngành Nhi khoa (16)				
41	1	Nguyễn Duy Nam	Anh	05.12.1988	Thừa Thiên Huế	
42	2	Phạm Vân	Anh	13.09.1988	Quảng Ngãi	
43	3	Nguyễn Thị Thanh	Bình	29.02.1988	Quảng Bình	
44	4	Phan Ngọc	Hải	14.10.1987	Quảng Trị	
45	5	Ngô Thị	Hoa	24.07.1988	Quảng Nam	
46	6	Trần Văn	Hòa	07.02.1989	Đà Nẵng	
47	7	Hoàng Thị Bích	Huệ	04.09.1987	Quảng Bình	
48	8	Nguyễn Thị	Hường	08.02.1988	Đắk Lắk	
49	9	Vũ Thị Bích	Ngọc	26.03.1988	Quảng Bình	
50	10	Nguyễn Hải	Thịnh	30.07.1988	Đà Nẵng	
51	11	Lê Thị	Thu	17.12.1988	Nghệ An	
52	12	Đoàn Ngọc Quỳnh	Trâm	06.10.1988	Khánh Hòa	
53	13	Tô Thị Thùy	Trang	05.03.1989	Gia Lai	
54	14	Nguyễn Thành	Trung	06.10.1988	Thừa Thiên Huế	
55	15	Trần Thị Cẩm	Tú	23.04.1988	Khánh Hòa	
56	16	Trần Thị Hạnh	Chân	17.12.1987	Thừa Thiên Huế	Khóa 2011-2014
		5. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (07)				
57	1	Phạm Thụy	An	04.11.1988	Thừa Thiên Huế	
58	2	Đặng Thị Thu	Hiền	08.02.1988	Quảng Bình	
59	3	Phạm Thị Khánh	Lê	03.09.1988	Thừa Thiên Huế	
60	4	Nguyễn Văn Ngọc	Minh	12.02.1988	Quảng Trị	
61	5	Trần Thị Me	Tâm	03.08.1988	Đà Nẵng	
62	6	Võ Thị	Thủy	02.04.1988	Quảng Bình	

TT	TT CN	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
63	7	Nguyễn Lê Thảo	Trâm	16.12.1988	Khánh Hòa	
		6. Chuyên ngành Nhân khoa (07)				
64	1	Hà	Giang	27.11.1988	Thừa Thiên Huế	
65	2	Huỳnh Thị Ngọc	Hà	27.01.1988	Quảng Ngãi	
66	3	Trần Thị Thu	Hiền	25.08.1988	Thừa Thiên Huế	
67	4	Nguyễn Thị Yên	Nhi	20.12.1988	Bình Định	
68	5	Lê Văn	Thành	01.08.1988	Gia Lai	
69	6	Đậu Phi	Triều	07.07.1988	Nghệ An	
70	7	Bùi Quang	Tuấn	18.01.1988	Gia Lai	
		7. Chuyên ngành Tai Mũi Họng (06)				
71	1	Trần Nhật	Huy	02.12.1988	Thừa Thiên Huế	
72	2	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26.11.1988	Gia Lai	
73	3	Nguyễn Thanh	Phú	14.09.1988	Thừa Thiên Huế	
74	4	Nguyễn Ngọc	Quang	28.10.1987	Thừa Thiên Huế	
75	5	Nguyễn Duy	Quảng	27.02.1989	Đà Nẵng	
76	6	Phạm Thị Lệ	Trinh	20.11.1987	Khánh Hòa	

Ấn định danh sách công nhận tốt nghiệp Bác sĩ nội trú, năm 2015

của Trường Đại học Y Dược Huế có 76 (bảy mươi sáu) học viên thuộc 07 chuyên ngành./. *KL*

DANH SÁCH**CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP I
ĐỢT 2, NĂM 2015 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số: 5608 /QĐ-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TT CN	Họ và tên	Năm sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		1. Nội khoa (01)			
<i>1</i>	1	Nguyễn Văn Chiêu	21.12.1969	Nam Định	
		2. Y học dự phòng (02)			
<i>2</i>	1	Cao Văn Cường	13.10.1982	Quảng Bình	
<i>3</i>	2	Nguyễn Tuấn Việt	03.12.1983	Quảng Bình	
		3. Y tế công cộng (02)			
<i>4</i>	1	Hà Văn Hải	26.08.1982	Nghệ An	
<i>5</i>	2	Võ Thị Thủy	20.05.1966	Quảng Nam	

Ấn định danh sách công nhân tốt nghiệp chuyên khoa cấp I, đợt 2 năm 2015
của Trường Đại học Y Dược Huế có 05 (năm) học viên thuộc 03 chuyên ngành ./.